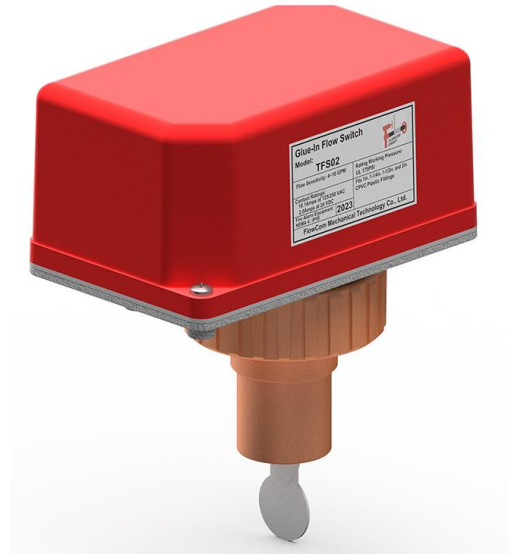
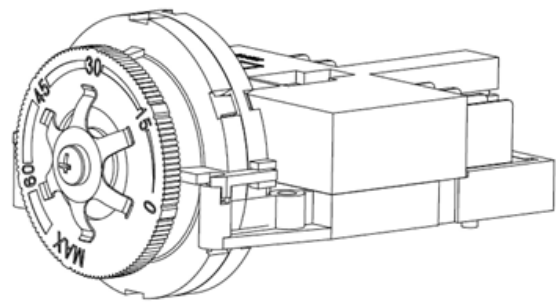
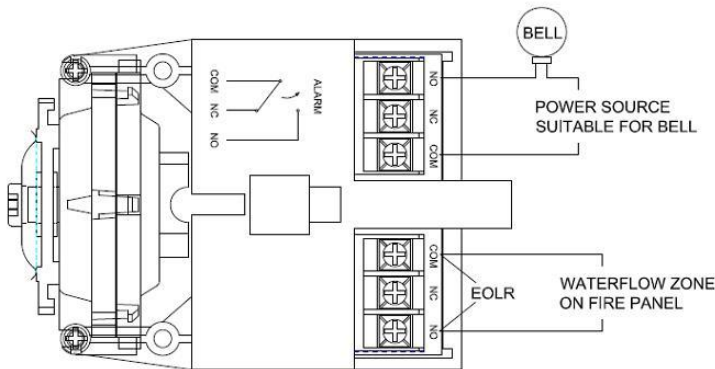


TFS02 – Công Tắc Dòng Chảy Dán Keo

- Áp suất làm việc định mức: Tối đa 175 PSI (1.2 MPa)
- Dải độ nhạy lưu lượng để phát tín hiệu: 4 ~ 10 GPM (15.0 ~ 37.5 L/phút)
- Tốc độ dòng chảy tối đa (Surge): 18 FPS (5.5 m/s)
- Tiếp điểm ngõ ra: 2 bộ tiếp điểm SPDT (dạng C)
 - 10.1 Amps tại 125/250 VAC
 - 2.0 Amps tại 24 VDC
- Nhiệt độ làm việc: 40 °F đến 120 °F (4.5 °C đến 49 °C)
- Cấp bảo vệ vỏ: NEMA 4 – thích hợp sử dụng trong nhà và ngoài trời
- Lỗ chờ ống điện: 2 lỗ chờ cho ống luồn điện 1/2”
 - 1 lỗ mở sẵn
 - 1 lỗ dạng knock-out
- Ống tương thích: Lắp được với khớp nối nhựa CPVC loại 1”, 1¼”, 1½” và 2”
- Ứng dụng:
 - Hệ thống sprinkler tự động: NFPA-13
 - Nhà ở 1 hoặc 2 hộ gia đình: NFPA-13D
 - Khu dân cư cao tối đa 4 tầng: NFPA-13R
- Tiêu chuẩn báo cháy quốc gia: NFPA-72
- Vật liệu nắp thiết bị: Hợp kim nhôm đúc; vật liệu thay thế: Nhựa



Kết nối điện tiêu chuẩn và điều chỉnh thời gian trễ



Kích thước

Thiết bị trì hoãn (retard device) có thể được điều chỉnh từ vị trí “0” đến “MAX”,
 Thời gian trễ (delay time) có thể cài đặt trong khoảng 0 đến 90 giây.

Pipe Size		W		H		M		S (Space)	
in.	DN	in.	mm	in.	mm	in.	mm	in.	mm
1	25	3.75	95.3	7.58	192.5	4.17	106	0.82	20.8
1¼	32	3.75	95.3	7.88	200.2	4.17	106	0.64	16.3
1½	40	3.75	95.3	8.2	208.3	4.17	106	0.64	16.3
2	50	3.75	95.3	8.8	223.5	4.17	106	0.66	16.8

